



Website: tamkim.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TAM KIM

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam ; Tel: 226 383140 Fax: 226 383141

Chi nhánh tại Hà Nội

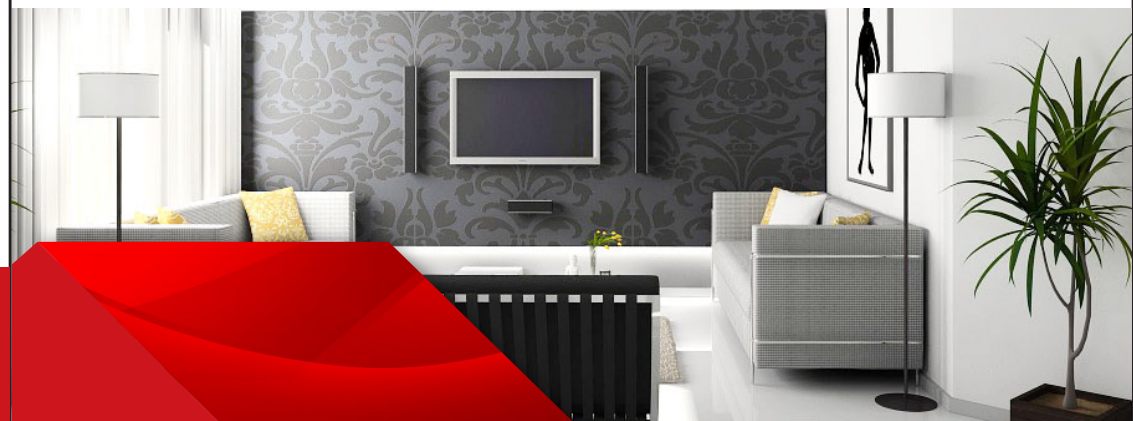
ĐC: Ô B02 Lô D13 Trần Thái Tông, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: 24. 3783 3943 - Fax: 24. 3783 0925

Chi nhánh tại Đà Nẵng

ĐC: 189 Nguyễn Văn Linh, P. Nam Dương Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Tel: 236. 3651 641 • Fax: 236. 3651 642

Chi nhánh tại Hồ Chí Minh

ĐC: 51 Trần Thiện Chánh, P.12, Q.10, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 28. 386 23539 – Fax: 28. 0386 82675



CATALOGUE T4/2017



MỤC LỤC

1	Aptomat Tép - Tủ Aptomat tép	2
2	Aptomat khối - Tủ Aptomat - Tủ điện	3
3	Mặt công tắc ổ cắm	4
4	Mặt công tắc ổ cắm và phụ kiện	5
5	Phụ kiện	10
6	Quạt thông gió	11
7	Ống luồn dây điện tròn PVC và phụ kiện	12
8	Phụ kiện ống luồn tròn	13

Công dụng:

Tự động ngắt mạch bảo vệ an toàn cho toàn hệ thống điện khi có bất kỳ sự tăng điện áp đột ngột vượt qua định mức cho phép. Vì vậy tuyệt đối an toàn khi sử dụng (ví dụ: Lắp cho đường dẫn điện vào bình nóng lạnh).
Nền sử dụng cùng với hộp cover.

Đặc tính kỹ thuật:

Aptomat được làm từ vật liệu chống cháy và cách điện. Đạt tiêu chuẩn IEC 60898.
Ngắt tự động dòng ngắn mạch khi nó vừa xuất hiện, Cuộn dây cảm ứng chịu được nhiệt độ 1550°C-2000°C



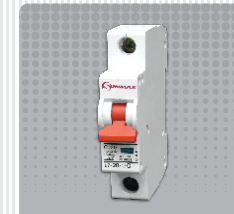
Aptomat 2 cực chống giật (20A) dòng cắt 30ma
420.000



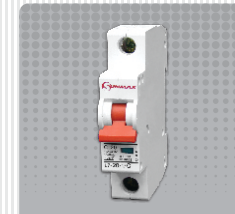
Aptomat 2 cực chống giật (32/40A) dòng cắt 30ma
490.000



Aptomat 2 cực chống giật (63A) dòng cắt 30ma
580.000



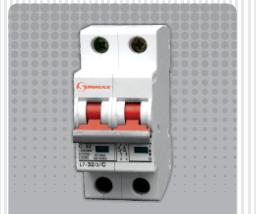
Aptomat 1 cực (6/10/20/25/32/40A) dòng cắt 10.000A
59.000



Aptomat 1 cực (50/63A) dòng cắt 10.000A
69.000



Aptomat 2 cực (6/10/20/25/32/40A) dòng cắt 10.000A
118.000



Aptomat 2 cực (50/63A) dòng cắt 10.000A
138.000



Hộp tủ Aptomat 2P/3P/4P
SMT 2/3/4P 86.000



Hộp tủ Aptomat 6P
SMT 6P 115.000



Hộp tủ Aptomat 9P
SMT 9P 198.000



Hộp tủ Aptomat 12P
SMT 12P 235.000



Hộp tủ Aptomat 18P
SMT 18P 470.000



Hộp tủ Aptomat 24P
SMT 24P 600.000

Đặc điểm tủ Aptomat

Tiêu chuẩn: BS 5486-1, IEC439-3

Cấp độ bảo vệ: Ip40

Số lượng Aptomat: 2 - 18 module

Mặt tủ: Được thiết kế với bề mặt cong tạo ra sự sang trọng và trang nhã cho sản phẩm

Nắp che tủ: Làm bằng nhựa Polycarbonate trong suốt chống cháy

Phụ kiện đi kèm: Vật liệu dẫn điện bằng đồng đỏ, vật liệu cách điện bằng Polyamide, thanh ray cài Aptomat bằng nhôm định hình.

Thích hợp cho việc lắp âm tường.



Aptomat khối đen
(10/15/20/30BM)

52.000



Aptomat khối đen
(40BM)

56.000



Aptomat khối loại có đèn
(10/15/20/30BD)

57.000



Aptomat khối loại có đèn
(40BD)

61.000



**Aptomat chống giật
kiểu CM** (15/20CM)

262.000



**Aptomat chống giật
kiểu CM** (30CM)

262.000



**Aptomat chống giật
kiểu C** (15/20/30C)

310.000



**Aptomat chống giật
kiểu C** (40/50C)

428.000



**Hộp nối cho Aptomat
khối**

SMA 231/CV 5.000



**Hộp nối cho Aptomat
chống giật kiểu C**

SMA 233/CV 10.000



**Hộp tủ Aptomat
khối 5P**

SMT 5P 205.000



**Hộp tủ Aptomat
khối 10P**

SMT 10P 490.000



Tủ điện
(20 x 15 x 11cm)

SEB2015PT 99.000



Tủ điện
(24 x 18 x 11cm)

SEB2418PT 119.000



Tủ điện
(33 x 22 x 11cm)

SEB3322PT 155.000



Tủ điện có khóa
(33 x 22 x 11cm)

SEB3322PK 175.000

SMV



Mặt một lỗ

SMV 001 12.600



Mặt hai lỗ

SMV 002 12.600



Mặt ba lỗ

SMV 003 12.600



Mặt bốn lỗ

SMV 004 17.800



Mặt năm lỗ

SMV 005 18.800



Mặt sáu lỗ

SMV 006 18.800



Ổ cắm đơn hai chấu

SMV 210 31.000



**Ổ cắm đơn hai chấu
và 1 lỗ**

SMV 211 37.000



**Ổ cắm đơn hai chấu
và 2 lỗ**

SMV 212 37.000



Ổ cắm đôi hai chấu

SMV 220 49.000



**Ổ cắm đôi hai chấu
và 1 lỗ**

SMV 221 52.000



**Ổ cắm đôi hai chấu
và 2 lỗ**

SMV 222 52.000



Ổ cắm ba hai chấu

SMV 230 62.000



Mặt Aptomat tép đơn

SMV 011 13.500



Mặt Aptomat tép đôi

SMV 012 13.500



Mặt Aptomat khối

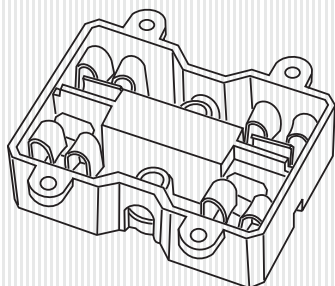
SMV 013 14.000

SMV



Ổ cắm đơn ba chấu đa năng

SMV 310 48.000



- Đồng đàn hồi có tính dẫn điện cao
- Diện tích tiếp xúc với phích cắm lớn, nâng cao hệ số an toàn và thời gian sử dụng trên 20.000 lần cắm, rút phích.
- Sử dụng cho phích cắm chân tròn và chân dẹt



Ổ cắm đôi ba chấu đa năng

SMV 320 66.000



Hạt công tắc một chiều 10A

SMV 051 9.200



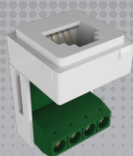
Hạt công tắc hai chiều 10A

SMV 052 16.800



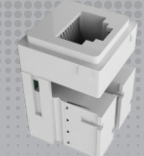
Hạt đèn báo đỏ (không dây)

SMV 053 17.800



Ổ cắm điện thoại 4 dây

SMV 055/4 46.000



Ổ cắm mạng 8 dây

SMV 0558 68.000



Ổ cắm Ti vi

SMV 056 41.000



Hạt chuông

SMV 059 23.000



Hạt công tắc hai cực 20A

SMV 054 65.000



Nút che tròn

SMV 063 4.000



Chiết áp đèn 1000w

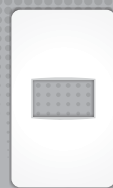
SMV 0582 110.000



Chiết áp quạt 600w

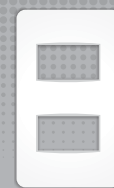
SMV 057 99.000

SMS



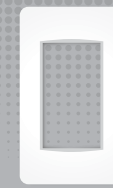
Mặt đơn một lỗ có viên ghi

SMS 601 14.000



Mặt đơn hai lỗ có viên ghi

SMS 602 14.000



Mặt đơn ba lỗ có viên ghi

SMS 603 14.000



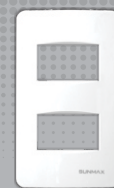
Mặt đôi sáu lỗ có viên ghi

SMS 606 23.000



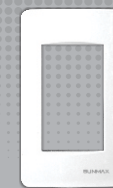
Mặt đơn một lỗ màu trắng

SMS 611W 12.800



Mặt đơn hai lỗ màu trắng

SMS 612W 12.800



Mặt đơn ba lỗ màu trắng

SMS 613W 12.800



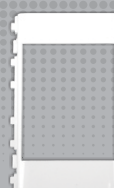
Mặt đôi sáu lỗ màu trắng

SMS 626W 21.000



Mặt dây cho Aptomat tếp đơn

SMS 640/1 4.500



Mặt dây cho Aptomat tếp đôi

SMS 640/2 4.500



Mặt dây cho Aptomat khối

SMS 640/3 6.000



Mặt Aptomat khối chống giật kiểu C

SMS 014W 21.000



Ổ cắm đơn hai chấu

SMS 631 19.000



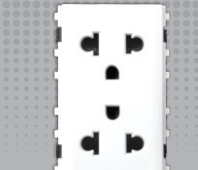
Ổ cắm đôi hai chấu

SMS 632 39.000



Ổ cắm ba hai chấu

SMS 633 50.000



Ổ cắm đôi ba chấu

SMS 642 55.000

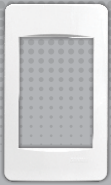
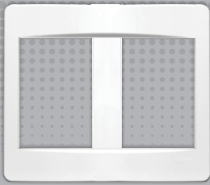
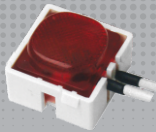
SMS

			
Hạt một chiều	Hạt một chiều kẹp dây	Hạt hai chiều	Hạt hai chiều kẹp dây
SMS 651 13.000	SMS 651/K 14.000	SMS 652 27.000	SMS 652/K 29.000
			
Hạt đèn báo	Hạt Ti vi	Hạt điện thoại bốn dây	Hạt mạng tám dây
SMS 653 15.000	SMS 656 59.000	SMS 655/4 65.000	SMS 655/8 85.000
			
Chiết áp đèn 600w	Chiết áp đèn 1000w	Chiết áp quạt 600w	Hạt cầu chì
SMS 6581 89.000	SMS 6582 129.000	SMS 657 99.000	SMS 660 15.000
			
Nút che trơn	Hạt một chiều cỡ lớn		
SMS 640 4.000	SMS 671 24.000		

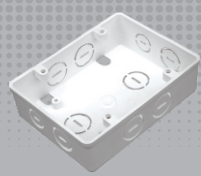
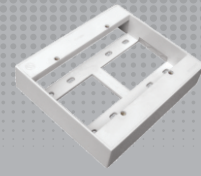
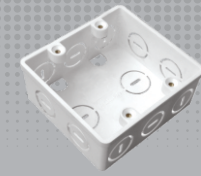
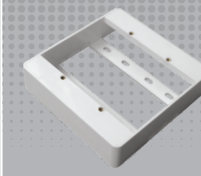
SMT

			
Mặt một lỗ	Mặt hai lỗ	Mặt ba lỗ	Mặt bốn lỗ
SMT 001 12.000	SMT 002 12.000	SMT 003 12.000	SMT 004 16.800
			
Mặt năm lỗ	Mặt sáu lỗ	Ổ cắm đơn hai chấu	Ổ cắm đơn hai chấu và 1 lỗ
SMT 005 17.000	SMT 006 17.000	SMT 210 31.000	SMT 211 37.000
			
Ổ cắm đơn hai chấu và 2 lỗ	Ổ cắm đôi hai chấu	Ổ cắm đôi hai chấu và 1 lỗ	Ổ cắm đôi hai chấu và 2 lỗ
SMT 212 37.000	SMT 220 49.000	SMT 221 50.000	SMT 222 50.000
			
Ổ cắm ba hai chấu	Mặt Aptomat tép đơn	Mặt Aptomat tép đôi	Mặt Aptomat khối
SMT 230 62.000	SMT 011 13.500	SMT 012 13.500	SMT 013 14.000

SMT

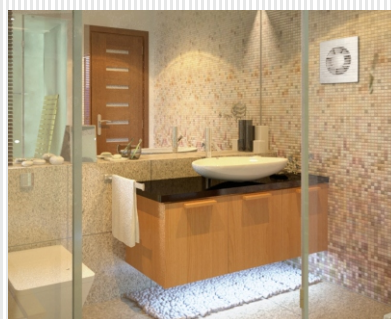
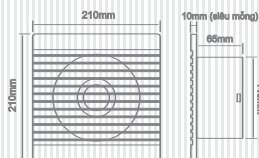
			
Ổ cắm đơn ba chấu đa năng SMT 310 48.000	Ổ cắm đơn ba chấu đa năng và 1 lỗ SMT 311 50.000	Ổ cắm đơn ba chấu đa năng và 2 lỗ SMT 312 50.000	Ổ cắm đôi ba chấu đa năng SMT 320 66.000
			
Mặt viên đơn SMT 014 3.000	Mặt viên đôi SMT 024 11.500	Hạt công tắc một chiều 10A SMT 051 8.600	Hạt công tắc hai chiều 10A SMT 052 15.800
			
Hạt đèn báo (có dây) SMT 053 15.800	Hạt đèn báo (không dây) SMT 073 16.800	Hạt công tắc hai cực 20A SMT 054 61.000	Hạt cầu chì ống 10A SMT 060 20.000
			
Bóng cầu chì 10A - 250V SMT 061 4.600	Ổ cắm Ti vi SMT 056 41.000	Ổ cắm điện thoại 4 dây SMT 055/4 45.000	Ổ cắm mạng 8 dây SMT 055/8 68.000

SMT

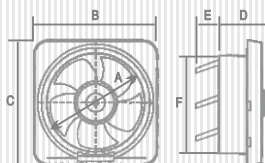
			
Hạt chuông SMT 059 22.800	Chiết áp quạt 600w SMT 057 99.000	Chiết áp đèn 600w SMT 0581 85.000	Chiết áp đèn 1000w SMT 0582 110.000
			
Nút che trơn SMT 063 3.600	Công tắc không làm phiền SMS 665 180.000	Công tắc nguồn sử dụng thẻ SMS 6661 290.000	Thẻ dùng cho công tắc nguồn SMS 6662 40.000
ĐỂ			
			
Đế âm đơn cho công tắc, ổ cắm SDA011 3.900	Đế âm Aptomat tép SDAA 3.400	Đế nối đơn SDN01TS 6.600	
			
Đế âm đôi (Dùng cho mặt viên đôi hàng SMT) SDA02T 11.000	Đế nối đôi (Dùng cho hàng SMT) SDN02T 11.000	Đế âm đôi (Dùng cho hàng SMS) SDA02S 11.000	Đế nối đôi (Dùng cho hàng SMS) SDN02S 12.200



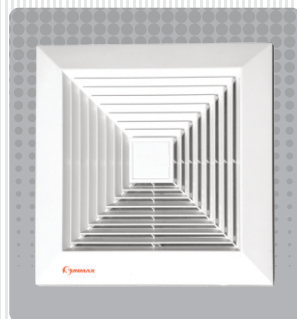
Quạt thông gió âm tường
(Sải cánh 13cm)
SMF13B2 265.000



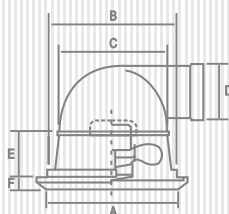
Quạt thông gió âm tường



CHUNG LOẠI	KÍCH THƯỚC QUẠT THÔNG GIÓ ÂM TƯỜNG (mm)					
	A	B	C	D	E	F
SMF15B2 (Sải cánh 15cm) 330.000	150	245	243	130	70	197
SMF20B2 (Sải cánh 20cm) 360.000	200	296	292	140	60	244
SMF25B2 (Sải cánh 25cm) 395.000	250	346	343	145	73	293



Quạt thông gió âm trần



CHUNG LOẠI	KÍCH THƯỚC LẮP ĐẶT QUẠT ÂM TRẦN (mm)					
	A	B	C	D	E	F
SCF20T (Sải cánh 15cm) 360.000	270	233	170	103	79	20
SCF25T (Sải cánh 20cm) 395.000	290	252	222		88	20
SCF30T (Sải cánh 25cm) 435.000	365	310	272		91	28



SDQA002/005/007

Ống hút có lá inox
cho loại quạt
âm trần sải cánh

15cm: 46.000
20cm: 52.000
25cm: 58.000



ỐNG LUỒN TRÒN PV

PVC conduit

S9016	O 16	15.400
S9020	O 20	20.000
S9025	O 25	29.000
S9032	O 32	67.000
S9040	O 40	93.000



MĂNG SÔNG THU

Reducer

SRM2016	Ø 20 - 16	1.900
SRM2520	Ø 25 - 20	2.600
SRM3225	Ø 32 - 25	2.900



HỘP CHIA NGÁ 1 ĐƯỜNG LOẠI THẤP

One - way box

SRH16.1	Ø 16	5.200
SRH20.1	Ø 20	5.600
SRH25.1	Ø 25	6.300



HỘP CHIA NGÁ 2 ĐƯỜNG LOẠI THẤP

Two - way box

SRH16.2	Ø 16	5.200
SRH20.2	Ø 20	5.600
SRH25.2	Ø 25	6.300



HỘP CHIA NGÁ 2 ĐƯỜNG VUÔNG GÓC LOẠI THẤP

Two - way box

SRHV16.2	Ø 16	5.300
SRHV20.2	Ø 20	5.600
SRHV25.2	Ø 25	6.300



HỘP CHIA NGÁ 3 ĐƯỜNG LOẠI THẤP

Three - way box

SRH16.3	Ø 16	5.600
SRH20.3	Ø 20	6.000
SRH25.3	Ø 25	6.900



HỘP CHIA NGÁ 4 ĐƯỜNG LOẠI THẤP

Four - way box

SRH16.4	Ø 16	5.600
SRH20.4	Ø 20	6.000
SRH25.4	Ø 25	6.900



KHỚP NỐI TRÒN

Joint

SRKN16	Ø 16	800
SRKN20	Ø 20	900
SRKN25	Ø 25	1.500
SRKN32	Ø 32	2.400
SRKN40	Ø 40	3.400



NẮP ĐẬY HỘP CHIA NGÁ

Box cover

SRHN	1.600
-------------	--------------

PHỤ KIỆN ỐNG LUỒN TRÒN



KHỚP NỐI RĂNG

Joint

SRR16	Ø 16	1.900
SRR20	Ø 20	2.300
SRR25	Ø 25	2.700
SRR32	Ø 32	4.700



CÚT NỐI CHỮ L CÓ NẮP

L - shaped elbow with cover

SRLN16	Ø 16	2.900
SRLN20	Ø 20	4.400
SRLN25	Ø 25	7.200
SRLN32	Ø 32	10.200



CÚT NỐI CHỮ L

L - shaped elbow

SRL16	Ø 16	2.500
SRL20	Ø 20	3.500
SRL25	Ø 25	5.800
SRL32	Ø 32	8.800



CÚT NỐI CHỮ T CÓ NẮP

T - shaped elbow with cover

SRTN16	Ø 16	4.400
SRTN20	Ø 20	8.000
SRTN25	Ø 25	10.000
SRTN32	Ø 32	13.500
SRTN40	Ø 40	20.500
SRTN50	Ø 50	23.500



CÚT NỐI CHỮ T

T - shaped elbow

SRTC16	Ø 16	3.800
SRTC20	Ø 20	5.100
SRTC25	Ø 25	6.700
SRTC32	Ø 32	8.100



KẸP ĐỠ ỐNG

Support clamp

SRK16	Ø 16	1.200
SRK20	Ø 20	1.200
SRK25	Ø 25	1.900
SRK32	Ø 32	2.700
SRK40	Ø 40	3.500
SRK50	Ø 50	5.800



LÒ XO UỐN ỐNG PVC

Spring for PVC conduit bending

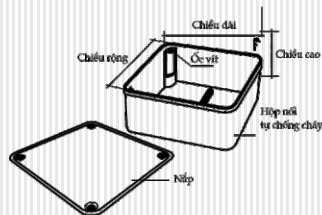
SRLX16	Ø 16	70.000
SRLX20	Ø 20	81.000
SRLX25	Ø 25	111.000
SRLX32	Ø 32	141.000
SRLX40	Ø 40	218.000



HỘP NỐI TỰ CHỐNG CHÁY

Fire resistant box

S80085	80 x 80 x 50	11.500
S80115	110 x 110 x 50	16.500
S80118	110 x 110 x 80	24.500
S80168	160 x 160 x 80	47.000
S81858	185 x 185 x 80	57.500
S800235	235 x 235 x 80	87.500



THIẾT BỊ ĐÈN
CHIẾU SÁNG **LED**



THIẾT BỊ ĐIỆN
DÂN DỤNG